

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ – ST
Ngày 31 - 7 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Bà Lê Thị Bích Thuần.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Ngọc L, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Ngọc L kết hôn ngày 11 tháng 02 năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên. Sau đó, chị về làm dâu và chung sống cùng gia

đình anh L ở tổ dân phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc được một thời gian thì anh chị ra ở riêng nhưng vẫn ở nhờ trên nhà đất của bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh chị vẫn hòa thuận, bình thường. Đến năm 2015 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do, anh L không chịu làm ăn, chơi bời, cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc gia đình; anh L đã bỏ đi làm ăn, thi thoảng mới về thăm gia đình; chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh L tu trí làm ăn để vợ chồng cùng nhau xây dựng kinh tế, nuôi dạy các con trưởng thành nhưng anh L đều không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Đến nay chị xác định tình cảm với anh L không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị tha thiết xin được ly hôn anh L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là các cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2006; Đỗ Anh T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2008 và Đỗ Khánh D, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2010. Hiện nay, các cháu vẫn đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba cháu; chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đỗ Ngọc L: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi, niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh L rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh L đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Đ. Anh L đã được biết về việc này và nhận đầy đủ những giấy tờ trên, nhưng anh L không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn T cho biết: Anh Đỗ Ngọc L và chị Dương Thị Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 11 tháng 02 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ và chị L chung sống cùng nhà anh L ở tổ dân phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, địa phương thấy vợ chồng anh chị sống hòa thuận, khoảng năm 2015 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau; sau đó, địa phương được biết anh L có đi làm ăn xa thi thoảng lễ, tết hoặc gia đình có công việc thì anh L mới về thăm nhà được ít ngày rồi lại đi. Còn nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do đâu thì địa phương cũng không nắm rõ được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị Đ đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Dương Thị Đ được ly hôn anh Đỗ Ngọc L; giao các con chung là các cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2006; Đỗ Anh T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2008 và Đỗ Khánh D, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2010 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ vì chị Đ không yêu cầu; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị Đ khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Ngọc L và đề nghị được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh L hiện đang thường trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Đỗ Ngọc L đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Dương Thị Đ khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh L cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B và lời khai của chị Dương Thị Đ thể hiện chị Dương Thị Đ và anh Đỗ Ngọc L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B ngày 11 tháng 02 năm 2006, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh L

là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, anh L không tu chí làm ăn ngày nên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị Đ đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh L không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, nếu Toà án không cho chị ly hôn với anh L chị cũng không thể về đoàn tụ với anh L được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập, công văn của Tòa án, nội dung Công văn nêu rõ “Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, nếu anh L không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì thì coi như anh đã đồng ý toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện và Tòa án sẽ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn” nhưng anh L vẫn không đến Tòa án làm việc hay gửi văn bản nêu rõ ý kiến, quan điểm của mình, như vậy có thể hiểu rằng anh L đã đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện. Xét, cuộc sống chung giữa chị Đ và anh L không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

Về nuôi con chung: Chị Đ và anh L có ba con chung là các cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2006; Đỗ Anh T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2008 và Đỗ Khánh D, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2010. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cả ba cháu vẫn sống cùng chị Đ. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị Đ tha thiết xin được nuôi ba cháu và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt và đây cũng là nguyện vọng của cả ba cháu đều xin được ở với mẹ, do vậy cần giao cả ba cháu cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ vì chị Đ không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng cả ba cháu mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu thì anh L có quyền làm đơn đề nghị thay đổi về người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản: Chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết, anh L vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Dương Thị Đ được ly hôn anh Đỗ Ngọc L.

Về nuôi con chung: Giao các cháu Đỗ Thị Xuân M, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2006; Đỗ Anh T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2008 và Đỗ Khánh D, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2010 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Dương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003325 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Lan